

CHỈ SỐ CÔNG TỜ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K6

Tháng 7/2015

STT	Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	4	2.372	2.397	25	1.965	49.115	
2	102	8	3.639	3.768	129	1.965	253.433	
3	103	6	3.727	3.805	78	1.965	153.239	
4	104	7	4.821	4.891	70	1.965	137.522	
5	105	7	6.309	6.407	98	1.965	192.531	
6	106	7	4.083	4.224	141	1.965	277.009	
7	107	PSHC	2.425	2.443		1.965	0	
8	108					1.965	0	
9	109	8	6.676	6.718	42	1.965	82.513	
10	110	8	4.185	4.273	88	1.965	172.885	
11	111	8	4.160	4.213	53	1.965	104.124	
12	112	8	4.782	4.849	67	1.965	131.628	
13	113	8	4.172	4.233	61	1.965	119.841	
14	114	5	4.615	4.656	41	1.965	80.549	
15	201	7	6.053	6.106	53	1.965	104.124	
16	202	2 Lào	6.225	6.253	28	1.965	55.009	
17	203	4 Lào	5.042	5.116	74	1.965	145.380	
18	204	8	4.643	4.675	32	1.965	62.867	
19	205	5	4.859	4.879	20	1.965	39.292	
20	206	0	7.931	7.979	48	1.965	94.301	
21	207	7	8.265	8.299	34	1.965	66.796	
22	208	1 CPC	3.905	3.967	62	1.965	121.805	
23	209	8	3.979	4.063	84	1.965	165.026	
24	210	4 CPC	8.113	8.114	1	1.965	1.965	
25	211	7	6.785	6.865	80	1.965	157.168	
26	212	2 CPC	5.747	5.885	138	1.965	271.115	
27	213	8	6.363	6.444	81	1.965	159.133	
28	214	8	4.627	4.718	91	1.965	178.779	
29	301	4 Lào	5.832	5.935	103	1.965	202.354	
30	302	5	4.414	4.494	80	1.965	157.168	
31	303	8	5.393	5.430	37	1.965	72.690	
32	304	8	4.576	4.642	66	1.965	129.664	
33	305	7	4.128	4.197	69	1.965	135.557	
34	306	8	4.430	4.459	29	1.965	56.973	
35	307	PSHC	1.081	1.082		1.965	0	
36	308					1.965	0	
37	309	8	4.726	4.799	73	1.965	143.416	
38	310	7	5.310	5.363	53	1.965	104.124	
39	311	8	5.882	5.975	93	1.965	182.708	

40	312	7		5.367	5.439	72	1.965	141.451	
41	313	7		4.913	4.960	47	1.965	92.336	
42	314	8		3.259	3.309	50	1.965	98.230	
43	401	6		3.802	3.899	97	1.965	190.566	
44	402	7		3.750	3.847	97	1.965	190.566	
45	403	8		5.568	5.699	131	1.965	257.363	
46	404	7		2.803	2.853	50	1.965	98.230	
47	405	6		4.330	4.358	28	1.965	55.009	
48	406	7		4.281	4.380	99	1.965	194.495	
49	407	7		4.930	4.998	68	1.965	133.593	
50	408	7		4.722	4.733	11	1.965	21.611	
51	409	3	Lào	7.348	7.408	60	1.965	117.876	
52	410	8		3.650	3.708	58	1.965	113.947	
53	411	8		5.164	5.260	96	1.965	188.602	
54	412	8		7.206	7.298	92	1.965	180.743	
55	413	8		3.457	3.527	70	1.965	137.522	
56	414	4		5.178	5.260	82	1.965	161.097	
57	501	0		3.218	3.218	0	1.965	0	
58	502	6		2.354	2.403	49	1.965	96.265	
59	503	8		2.538	2.619	81	1.965	159.133	
60	504	3		3.696	3.716	20	1.965	39.292	
61	505	6		2.570	2.640	70	1.965	137.522	
62	506	6		2.187	2.250	63	1.965	123.770	
63	507	0		3.021	3.074	53	1.965	104.124	
64	508	4		3.909	4.024	115	1.965	225.929	
65	509	8		2.576	2.616	40	1.965	78.584	
66	510	8		1.819	1.916	97	1.965	190.566	
67	511	7		3.034	3.101	67	1.965	131.628	
68	512	5		2.424	2.459	35	1.965	68.761	
69	513	7		5.010	5.102	92	1.965	180.743	
70	514	8		2.939	2.983	44	1.965	86.442	
	Cộng	410				4.356		8.557.798	

(Bảng chữ: Tám triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV	TT DV TỔNG HỢP	TỔ KTX	NGƯỜI ĐỌC SỐ	NGƯỜI LẬP
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG	PHÓ GIÁM ĐỐC			

ThS Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà